

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 6 - 2020

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Sái Đức Trung

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Văn Đích

Ông Nguyễn Văn Gia

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:*** Không.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1983

Địa chỉ: Xóm T, xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

( Có mặt)

- Bị đơn: Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1985

Nơi ĐKKHTT: Xóm T, xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Địa chỉ: Xóm Đ, xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

( Có mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, các đương sự trình bày như sau:

*Nguyên đơn Nguyễn Văn M trình bày:* Anh và chị Đỗ Thị H, sinh năm 1985, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tự nguyện tại UBND xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên ngày 04/9/2005. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân: là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Tháng 8/2008, chị H có đưa con về ngoại chơi và ở luôn đó đến tháng 3/2012, vì thương con nên anh M đồng ý để chị H quay về nhà và vợ chồng sinh hoạt riêng. Trong thời gian chung sống, chị H không chăm sóc cho gia đình mà ngược lại luôn ghen tuông với bạn bè, nói xấu anh và gia đình nên cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng. Đến tháng 6/2018, anh bị tai nạn phải nằm viện nhưng chị H không quan tâm, chăm sóc, mẹ anh có góp ý thì chị H xô ngã và từ đó anh cũng cho chị H về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn quan tâm thương yêu nhau nữa và ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đỗ Thị H.

*Về con chung:* Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 01/7/2006, khi ly hôn cháu T ở với bố hay với mẹ là do nguyện vọng của cháu.

*Về tài sản chung:* Anh Nguyễn Văn M và chị Đỗ Thị H tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Anh Nguyễn Văn M và chị Đỗ Thị H đều xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn chị Đỗ Thị H trình bày:* Chị thừa nhận về thời điểm kết hôn theo nội dung mà anh M trình bày là đúng. Năm 2006, chị sinh cháu T và vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, cùng nhau xây dựng kinh tế gia đình. Đến tháng 6/2018 anh M có bị tai nạn và điều trị tại bệnh viện, do có công việc gia đình nên chị không thể chăm sóc anh M chu đáo được, mẹ chồng chị có biết chuyện và chửi đánh chị, từ đó mâu thuẫn với mẹ chồng ngày càng căng thẳng. Mẹ chồng đuổi chị ra khỏi nhà và chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó đến nay. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng vẫn có thể hàn gắn được, mong anh M suy nghĩ lại để vợ chồng về đoàn tụ, cùng nhau chăm lo cho gia đình.

*Về tài sản chung:* Chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Văn M và tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Văn M và đều xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tạo điều kiện cho các đương sự có thời gian để suy nghĩ, tìm biện pháp giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, với mục đích đoàn tụ để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Song anh Nguyễn Văn M vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn của mình, cho rằng vợ chồng anh không thể tiếp tục chung sống, không còn tình cảm với chị H nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H. Vì vậy, Tòa án phải quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được Hội đồng xét xử thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Anh Nguyễn Văn M và chị Đỗ Thị H kết hôn đã được Ủy ban nhân dân xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 46/2005 ngày 04/9/2005. Vì nhiều nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, anh Nguyễn Văn M khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Đỗ Thị H có địa chỉ tại: xóm Đ, xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về quyền nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận định: Theo lời trình bày của anh Nguyễn Văn M về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là chị H không chăm lo cuộc sống gia đình, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn mẹ chồng nàng dâu ngày càng trầm trọng. Anh và chị H đã ly thân từ đầu năm 2019. Nay, anh Nguyễn Văn M xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung vợ chồng không tồn tại, anh đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn để anh có cuộc sống ổn định. Còn chị H trình bày: vợ chồng anh chị vẫn có thể hàn gắn được nên muốn anh M hãy suy nghĩ lại để đoàn tụ vợ chồng, con gái được sống chung cả bố và mẹ nhưng bản thân chị H không có biện pháp gì để vợ

chồng tự giải quyết mâu thuẫn đoàn tụ gia đình. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của anh Nguyễn Văn M cần được chấp nhận cho anh Nguyễn Văn M được ly hôn với chị Đỗ Thị H là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quyền nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và quyền thăm nom con:

Về nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh M trình bày sẽ tôn trọng ý kiến của cháu T, cháu ở với ai anh cũng nhất trí. Chị H có nguyện vọng được nuôi con và tại bản tự khai ngày 29/5/2020 tại Tòa án nhân dân huyện P, cháu Nguyễn Thị Huyền T trình bày có nguyện vọng ở với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu được nuôi con của chị H.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đỗ Thị H không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về quyền thăm nom con: Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn M là người không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh M có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về Tài sản chung: Anh Nguyễn Văn M và chị Đỗ Thị H tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn M và chị Đỗ Thị H đều xác định không có.

[2.5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Nguyên đơn là anh Nguyễn Văn M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

[3] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ, áp dụng pháp luật:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn M
  - Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn M được ly hôn chị Đỗ Thị H.
  - Về quyền nuôi con chung: Giao cho chị Đỗ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 01/7/2006 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.
  - Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Đỗ Thị H không yêu cầu anh Nguyễn Văn M phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.
  - Về quyền thăm nom con: Sau khi ly hôn anh Nguyễn Văn M là người không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh M có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.
  - Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn M và chị Đỗ Thị H tự thỏa thuận.
  - Về nợ chung: Không có.
2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) để sung vào ngân sách nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai số 0001010 ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Nguyên.
3. Thông báo quyền kháng cáo: Có mặt nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thái Nguyên (01 bản);
- VKS ND huyện, tỉnh (02 bản);
- T.H.A DS huyện P(01 bản);
- Các đương sự trong vụ án;
- UBND xã K
- Lưu HS, VP, bộ phận;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Sái Đức Trung**

